

Mỹ Xuyên, ngày 28 tháng 10 năm 2022

BẢNG ĐIỂM HỌC SINH DỰ THI "VĂN HAY CHỮ TỐT"
HUYỆN MỸ XUYÊN NĂM 2022

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NỮ	NĂM SINH	LỚP	HS TRƯỜNG	ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
1	001	Lê Thị Mỹ Ái	Nữ	26/8/2011	6,7	THCS Ngọc Đông	13	7	
2	002	Lâm Huỳnh Duy	Nam	40535	6,7	THCS Đại Tâm	12	13	
3	003	Trần Thị Kim Duyên	Nữ	05/8/2010	6,7	THCS Thanh Quới	8	33	
4	004	Dương Hồng Điệp	Nữ	40483	6,7	THCS Tham Đôn	10	23	
5	005	Trần Việt Hà	Nữ	40530	6,7	THCS Hòa Tú 2	11	19	
6	006	Trần Ngọc Hân	Nữ	21/4/2010	6,7	THCS Đại Tâm	13	7	
7	007	Võ Thái Hân	Nữ	19/5/2010	6,7	Thực hành Sư phạm	12,75	12	
8	008	Trần Thái Huỳnh	Nữ	12/3/2010	6,7	THCS Ngọc Tổ	7	40	
9	009	Trần Duy Hưng	Nam	22/8/2010	6,7	THCS Tham Đôn	11,5	15	
10	010	Sơn Minh Khang	Nam	06/4/2010	6,7	PT DTNT THCS Mỹ Xuyên	6,5	41	
11	011	Tiết Thị Kim Khánh	Nữ	40219	6,7	THCS Thanh Phú	9	29	
12	012	Nguyễn Thạch Thiên Luyến	Nữ	07/6/2010	6,7	PT DTNT THCS Mỹ Xuyên	10,75	20	
13	013	Trần Huỳnh Mai	Nữ	03/6/2011	6,7	THCS Gia Hòa 1	9,5	28	
14	014	Võ Hoàng Ngọc Minh	Nữ	11/3/2010	6,7	THCS Hòa Tú 1	13,25	6	
15	015	Võ Thị Bích Ngân	Nữ	40237	6,7	THCS Hòa Tú 1	10,75	20	
16	016	Huỳnh Trần Khánh Ngọc	Nữ	29/8/2010	6,7	THCS Ngọc Tổ	10,5	22	
17	017	Chung Lâm Bích Nguyên	Nữ	11/9/2010	6,7	THCS Thanh Quới	7,5	38	
18	018	Hồ Thảo Nhi	Nữ	01/01/2010	6,7	THCS Ngọc Đông	14	3	Ba

19	019	Trần Bảo Nhi	Nữ	03/5/2011	6,7	PTDTNT THCS&THPT	8	33	
20	020	Trần Cẩm Nhiên	Nữ	02/7/2011	6,7	THCS Hòa Tú 2	11,25	17	
21	021	Lưu Quách Quỳnh Như	Nữ	27/8/2010	6,7	THCS Thanh Phú	13	7	
22	022	Dương Lê Tú Phụng	Nữ	01/3/2010	6,7	THCS Đại Tâm	13,5	4	Khuyến khích
23	023	Mã Trần Mỹ Phương	Nữ	23/02/2011	6,7	THCS Gia Hòa 1	8	33	
24	024	Liêu Minh Quý	Nam	15/3/2010	6,7	PT DTNT THCS Mỹ Xuyên	10	23	
25	025	Trần Nguyễn Thúy Quyên	Nữ	04/9/2010	6,7	THCS Gia Hòa 2	7,75	37	
26	026	Ngô Bảo Quyên	Nữ	08/7/2011	6,7	Thực hành Sư phạm	15	1	Nhất
27	027	Trần Thanh Sơn	Nam	28/4/2010	6,7	THCS Mỹ Xuyên	10	23	
28	028	Ong Thị Phương Thảo	Nữ	40187	6,7	THCS Mỹ Xuyên	12	13	
29	029	Nguyễn Thái Thuận	Nam	31/3/2010	6,7	THCS Mỹ Xuyên	13	7	
30	030	Trần Thị Minh Thư	Nữ	30/7/2011	6,7	THCS Gia Hòa 2	7,5	38	
31	031	Huỳnh Ngọc Trâm	Nữ	40470	6,7	THCS Hòa Tú 1	8,75	30	
32	032	Nguyễn Ngọc Trân	Nữ	22/8/2010	6,7	THCS Tham Đôn	8,5	32	
33	033	Cam Nguyễn Quốc Triển	Nam	40571	6,7	THCS Gia Hòa 1	6,5	41	
34	034	Lâm Vũ Trường	Nam	12/3/2010	6,7	PTDTNT THCS&THPT	9,75	26	
35	035	Phạm Hoàng Tuấn	Nam	03/3/2010	6,7	THCS Thanh Phú	11,25	17	
36	036	Triệu Thảo Vy	Nữ	28/3/2011	6,7	THCS Gia Hòa 2	9,75	26	
37	037	Lê Khả Vy	Nữ	21/4/2010	6,7	THCS Hòa Tú 2	11,5	15	
38	038	Trần Thảo Vy	Nữ	20/01/2010	6,7	Thực hành Sư phạm	14,5	2	Nhì
39	039	Lý Trần Thúy Vy	Nữ	40199	6,7	PTDTNT THCS&THPT	8,75	30	
40	040	Đặng Thị Thanh Xuân	Nữ	19/7/2010	6,7	THCS Ngọc Đông	13,5	4	Khuyến khích
41	041	Trần Kim Xuyên	Nữ	09/4/2011	6,7	THCS Ngọc Tố	13	7	
42	042	Nguyễn Hoài Phúc Yên	Nữ	19/4/2011	6,7	THCS Thanh Quới	8	33	
43	043	Lý Mộc Duyên Anh	Nữ	18/8/2009	8,9	PTDTNT THCS&THPT	6	39	
44	044	Phạm Nguyên Minh Châu	Nữ	26/9/2009	8,9	THCS Hòa Tú 1	10	18	
45	045	Lâm Nguyễn Phương Đài	Nữ	40106	8,9	THCS Hòa Tú 1	10	18	

46	046	Ngô Gia Hân	Nữ	39479	8,9	THCS Mỹ Xuyên	9,5	27	
47	047	Tiết Ngọc Hân	Nữ	39751	8,9	PTDTNT THCS&THPT	10	41	
48	048	Lý Huỳnh Hương	Nữ	09/3/2008	8,9	THCS Mỹ Xuyên	10	18	
49	049	Tô Nhật Khuê	Nữ	39815	8,9	THCS Tham Đôn	10,5	11	
50	050	Trần Ngọc Thiên Kim	Nữ	17/5/2009	8,9	THCS Hòa Tú 2	10	18	
51	051	Nguyễn Thúy Loan	Nữ	11/3/2008	8,9	THCS Ngọc Đông	12,5	3	Ba
52	052	Đinh Nhật Mai	Nữ	15/8/2009	8,9	Thực hành Sư phạm	12	4	Khuyến khích
53	053	Đặng Lê Kiều Mi	Nữ	39455	8,9	THCS Gia Hòa 1	9,5	27	
54	054	Nguyễn Nhật Minh	Nữ	39463	8,9	THCS Ngọc Tổ	8,5	34	
55	055	Trần Cao Thảo My	Nữ	05/4/2009	8,9	THCS Gia Hòa 1	9,5	27	
56	056	Tăng Tuyết Nga	Nữ	05/3/2009	8,9	PT DTNT THCS Mỹ Xuyên	9,5	27	
57	057	Ông Như Ngọc	Nữ	29/9/2008	8,9	THCS Tham Đôn	8,5	34	
58	058	Nguyễn Thị Thu Ngọc	Nữ	05/5/2008	8,9	THCS Ngọc Tổ	9,5	27	
59	059	Liêu Tuyết Ngọc	Nữ	06/9/2008	8,9	PT DTNT THCS Mỹ Xuyên	11,5	5	Khuyến khích
60	060	Nguyễn Thị Tố Như	Nữ	09/7/2008	8,9	THCS Hòa Tú 2	11	6	
61	061	Trần Yến Như	Nữ	39827	8,9	THCS Ngọc Tổ	10	18	
62	062	Triệu Yến nhi	Nữ	39767	8,9	THCS Tham Đôn	10,5	11	
63	063	Lâm Thành Phúc	Nam	39448	8,9	THCS Mỹ Xuyên	10	18	
64	064	Lâm Như Quỳnh	Nữ	17/6/2008	8,9	THCS Thạnh Phú	10	18	
65	065	Lê Thị Ngọc Thắm	Nữ	27/8/2008	8,9	THCS Gia Hòa 2	10,5	11	
66	066	Huỳnh Vĩnh Thuận	Nam	14/5/2008	8,9	THCS Đại Tâm	10,5	11	
67	067	Lý Thị Thu Trang	Nữ	39465	8,9	THCS Thạnh Quới	7,5	36	
68	068	Nhiều Nguyễn Hà Trang	Nữ	39821	8,9	THCS Gia Hòa 2	9	33	
69	069	Nguyễn Hà Huyền Trang	Nữ	09/7/2009	8,9	THCS Hòa Tú 2	10	18	
70	070	Võ Ngọc Trâm	Nữ	12/7/2008	8,9	THCS Ngọc Đông	11	6	
71	071	Son Lâm Huỳnh Trâm	Nữ	39506	8,9	PTDTNT THCS&THPT	10	41	
72	072	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	39468	8,9	THCS Gia Hòa 2	11	6	

73	073	Thạch Thị Bảo Trân	Nữ	15/9/2009	8,9	PT DTNT THCS Mỹ Xuy	6,5	38	
74	074	Tiêu Thái Thảo Trinh	Nữ	01/9/2008	8,9	THCS Thanh Quới	10,5	11	
75	075	Danh Thanh Tuyền	Nữ	10/01/2008	8,9	THCS Đại Tâm	10,5	11	
76	076	Đặng Lam Tuyền	Nữ	39835	8,9	THCS Thanh Phú	11	6	
77	077	Châu Ngọc Cát Tường	Nữ	08/01/2008	8,9	Thực hành Sư phạm	14	1	Nhất
78	078	Trần Thị Phương Uyên	Nữ	17/5/2009	8,9	THCS Gia Hòa 1	7,5	36	
79	079	Trần Lê Khánh Vy	Nữ	01/8/2008	8,9	THCS Thanh Phú	11	6	
80	080	Danh Thị Thảo Vy	Nữ	12/8/2008	8,9	THCS Thanh Quới	5,5	40	
81	081	Nguyễn Thị Khả Vy	Nữ	39727	8,9	THCS Hòa Tú 1	9,5	27	
82	082	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	39814	8,9	THCS Ngọc Đông	10,5	11	
83	083	Cao Nguyễn Khánh Vy	Nữ	19/3/2008	8,9	Thực hành Sư phạm	13	2	Nhì
84	084	Lý Thị Như Ý	Nữ	39500	8,9	THCS Đại Tâm	10	18	

Danh sách này có tổng số 84 thí sinh dự thi

THỐNG KÊ ĐẠT GIẢI

STT	TRƯỜNG	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK	TS GIẢI	TS ĐĂNG KÝ	K.6,7	K.8,9	TỈ LỆ ĐẠT GIẢI (%)
1	THCS Mỹ Xuyên	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
2	THCS Đại Tâm	0	0	0	1	1	6	3	3	16,67
3	THCS Thạnh Phú	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
4	THCS Thạnh Quới	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
5	THCS Gia Hòa 1	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
6	THCS Gia Hòa 2	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
7	THCS Hòa Tú 1	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
8	THCS Hòa Tú 2	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
9	THCS Ngọc Đông	0	0	2	1	3	6	3	3	50,00
10	THCS Ngọc Tố	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
11	THCS Tham Đôn	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00
12	Thực hành Sư Phạm	2	2	0	1	5	6	3	3	83,33
13	PT DTNT THCS Mỹ Xuyên	0	0	0	1	1	6	3	3	16,67
14	PT DTNTTHCS&THPT Thanh Phú	0	0	0	0	0	6	3	3	0,00

0 0 0 0 0 0

